

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 50

PH. 11/10/10
D. I/A

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 16 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 18 tháng 09 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.
Tên Công ty viết tắt là: TAPLAST.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 99.978.890.000 đồng (Chín mươi chín tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng.)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 16 ngày 18 tháng 09 năm 2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý ký gởi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Đức Trung	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Đình Độ	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT
Ông Lê Viết Hùng	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Trần Minh Trang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/02/2017
Bà Lương Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/02/2017
Bà Trần Thị Bích Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/02/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Viết Hùng
Ông Ngô Đức Trung

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Viết Hùng Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 26 tháng 2 năm 2018, Công ty đã ký hợp đồng nhận hỗ trợ vốn số 001/HTV/NTP với giá trị là 80.000.000.000 đồng trong thời gian 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng để bổ sung vốn lưu động hoạt động kinh doanh. Đến ngày 26 tháng 03 năm 2018, Công ty đã nhận được đầy đủ khoản hỗ trợ vốn này. Theo đó, tình trạng thiếu hụt vốn lưu động tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được khắc phục.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Viết Hùng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Số: 176/2018/BCKT-PB.00040

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần nhựa Tân Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần nhựa Tân Phú, được lập ngày 27/03/2018, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần nhựa Tân Phú tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



LÊ VIỆT CƯỜNG

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		223.548.808.868	201.324.351.552
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	11.266.392.534	13.174.128.340
1. Tiền	111		11.266.392.534	13.174.128.340
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.02	-	167.200.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	399.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(231.800.000)
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.793.374.747	84.995.888.855
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.03	67.924.354.003	64.513.567.054
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.04	9.405.307.913	6.847.861.637
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.05	610.000.000	8.610.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.06	3.601.856.900	10.730.976.908
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.07	(5.748.144.069)	(5.706.516.744)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.08	109.519.203.573	76.516.309.081
1. Hàng tồn kho	141		109.625.390.025	76.551.327.078
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(106.186.452)	(35.017.997)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		26.969.838.014	26.470.825.276
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	3.928.006.138	2.110.197.531
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.396.107.985	23.408.607.864
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	645.723.891	952.019.881
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		301.506.213.313	175.534.226.510
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		11.092.091.610	8.396.104.053
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.05	11.092.091.610	8.396.104.053
II/ Tài sản cố định	220		244.352.266.180	104.561.866.649
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.09	71.141.047.453	36.875.258.313
- Nguyên giá	222		211.976.695.199	156.359.915.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.835.647.746)	(119.484.657.139)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	167.581.833.461	61.910.688.094
- Nguyên giá	225		215.173.274.987	98.077.522.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(47.591.441.526)	(36.166.834.466)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	5.629.385.266	5.775.920.242
- Nguyên giá	228		7.290.345.218	7.290.345.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.660.959.952)	(1.514.424.976)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		32.819.839.016	61.657.756.331
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	32.819.839.016	61.657.756.331
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.02	500.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.200.072.890	6.200.072.890
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		500.000.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.200.072.890)	(6.200.072.890)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		12.742.016.507	918.499.477
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	12.742.016.507	918.499.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		525.055.022.181	376.858.578.062

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		419.030.008.790	274.048.462.465
I/ Nợ ngắn hạn	310		299.183.529.910	189.939.345.940
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	21.958.218.139	15.649.148.874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		876.615.626	1.325.373.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.181.342.295	1.356.470.210
4. Phải trả người lao động	314		5.327.098.676	10.160.318.868
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	2.246.129.219	2.896.864.788
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	1.712.338.902	1.633.302.572
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	265.881.787.053	156.348.567.044
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	569.300.493
II/ Nợ dài hạn	330		119.846.478.880	84.109.116.525
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	1.728.729.025	1.860.801.735
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	118.117.749.855	82.248.314.790
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.025.013.391	102.810.115.597
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.19	106.025.013.391	102.810.115.597
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.978.890.000	65.995.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		99.978.890.000	65.951.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	44.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	2.039.728.228
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	7.153.195.174
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	1.619.362.595
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.046.123.391	26.002.319.600
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.382.576.090	26.002.319.600
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.663.547.301	-
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		525.055.022.181	376.858.578.062



Lê Viết Hùng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Thoại
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Diệu
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	549.689.705.381	500.068.947.121
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.195.749.373	1.819.760.975
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		548.493.956.008	498.249.186.146
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	467.273.481.313	397.456.949.722
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.220.474.695	100.792.236.424
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	392.173.529	1.961.461.174
7. Chi phí tài chính	22	6.04	23.579.691.225	17.335.704.586
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.258.879.394	13.698.000.002
8. Chi phí bán hàng	25	6.05	22.165.064.885	18.393.357.334
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	34.652.697.734	45.420.182.138
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.215.194.380	21.604.453.540
11. Thu nhập khác	31	6.07	3.193.988.599	619.388.259
12. Chi phí khác	32	6.08	831.416.970	118.035.381
13. Lợi nhuận khác	40		2.362.571.629	501.352.878
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.577.766.009	22.105.806.418
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.09	914.218.708	2.492.433.719
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.663.547.301	19.613.372.699
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	266	1.962
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	266	1.962



Lê Viết Hùng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Thoại
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Diệu
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.577.766.009	22.105.806.418
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	44.680.415.244	31.439.931.944
- Các khoản dự phòng	03	(119.004.220)	7.941.469.398
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.105.477	(98.158.241)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.659.626.038)	(858.842.292)
- Chi phí lãi vay	06	23.258.879.394	13.698.000.002
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	69.741.535.866	74.228.207.229
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.889.396.039	(10.968.258.262)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(33.074.062.947)	(12.131.587.763)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(2.798.510.298)	(18.705.436.214)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(13.641.325.637)	(2.118.577.677)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	399.000.000	651.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(22.886.138.102)	(14.144.354.746)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(481.647.681)	(3.442.841.891)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(17.950.000)	(2.241.276.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(869.702.760)	11.126.874.676
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(63.116.112.002)	(44.752.119.871)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.590.366.558	23.999.343.627
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10.850.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.000.000.000	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.511.920.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	596.590.092	463.869.682
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(49.429.155.352)	(22.626.986.562)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	524.891.117.078	366.145.836.536
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(430.326.459.446)	(331.797.313.426)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(45.929.295.889)	(24.345.624.367)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(252.724.600)	(4.716.910.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	48.382.637.143	5.285.988.343
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.916.220.969)	(6.214.123.543)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.174.128.340	19.290.093.642
Ảnh hưởng tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.485.163	98.158.241
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.266.392.534	13.174.128.340

Lê Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Thoại
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Diệu
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Nhựa Tân Phú thuộc Công ty Nhựa Việt Nam theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN ngày 24 tháng 9 năm 2004.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần - số 4103003066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 16 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303640880 ngày 18 tháng 09 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tan Phu Plastic Joint Stock Company.
Tên Công ty viết tắt là : TAPLAST.

Trụ sở chính: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 99.978.890.000 đồng (Chín mươi chín tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng.)

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa các loại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303640880 được sửa đổi lần thứ 16 ngày 18 tháng 09 năm 2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công – nông – ngư nghiệp – giao thông – vận tải – xây dựng – bưu chính viễn thông và dân dụng;
- Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa;
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở);
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm máy móc thiết bị ngành công – nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng;
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở); đại lý ký gởi; mua bán hàng hóa;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông; kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh nhà ở./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

1.6 Cấu trúc Công ty

Các chi nhánh

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty CP Nhựa Tân Phú	Số 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, Tp.HCM	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Long An	CCN Nhựa Đức Hoà Hạ (lô C16) Ấp Bình Tiền 2, Xã Đức Hoà Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh	Cụm CN Xuân Lâm - Xã Xuân Lâm - Huyện Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh	Hạch toán phụ thuộc

Công ty liên kết

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	Đường số 9, bản Huội San, huyện Xê Pôn, tỉnh Savannakhet, Lào.	Sản xuất và kinh doanh nhựa các loại	43,42%	43,42%	43,42%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là giá trị của lô đất được giao tại Cụm công nghiệp Nhựa Đức Hòa (lô 16), Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất được trích khấu hao theo thời gian còn lại khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng là 48 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An được miễn thuế 2 năm (năm 2012, 2013) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (năm 2014 đến năm 2017), nhưng Chi nhánh chỉ được hưởng ưu đãi nêu trên cho thời gian ưu đãi còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015 theo Công văn số 2579/CT_TTHT ngày 21/12/2015 của Cục thuế tỉnh Long An về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	351.341.190	939.445.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.915.051.344	12.234.683.340
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	11.266.392.534	13.174.128.340

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	188.046,03	4.262.080.730
Các khoản tiền được phong tỏa đảm bảo cho các khoản vay		
	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi bị phong tỏa	23.500	533.450.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Cổ phiếu	-	-	-	399.000.000	(231.800.000)	167.200.000
Công ty CP Nhựa Việt Nam	-	-	-	399.000.000	(231.800.000)	167.200.000
Cộng	-	-	-	399.000.000	(231.800.000)	167.200.000

Công ty đã bán toàn bộ 38.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam với giá khớp lệnh là 6.100 đồng, lỗ ghi nhận trong năm là 167.200.000 đồng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	(231.800.000)	(200.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung		(31.800.000)
Hoàn nhập dự phòng	231.800.000	
Tại ngày cuối năm	-	(231.800.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào <1>	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-
Đầu tư vào đơn vị khác	500.000.000	-	500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP <2>	500.000.000	-	500.000.000	-	-	-
Cộng	6.700.072.890	(6.200.072.890)	500.000.000	6.200.072.890	(6.200.072.890)	-

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

	31/12/2017			01/01/2017		
	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng CP	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào		43,42%	43,42%		43,42%	43,42%
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	50.000	0,05%	0,05%			-

<1> Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ cuối năm 2016. Toàn bộ tài sản của Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào hiện đang bị Ngân hàng phong tỏa để thu hồi các khoản vay chưa thanh toán. Do các cổ đông không thực hiện góp vốn, tái cơ cấu, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào không còn khả năng thanh toán các khoản nợ vay đến hạn trả. Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú đánh giá Công ty Việt Lào không còn khả năng hoạt động liên tục trong tương lai nên đã trích lập dự phòng 100% giá trị đầu tư tại Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.3 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khách hàng

5.3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	2.236.317.729	(2.236.317.729)	2.236.317.729	(2.236.317.729)
Phải thu các khách hàng khác				
Công Ty Cổ Phần Pin Ấc qui Miền Nam	6.893.430.379		7.324.791.505	
Công ty Cổ phần Á Mỹ Gia	5.242.197.678		4.477.836.981	
Công ty TNHH Tập đoàn An Nông	4.475.591.694			
Công ty TNHH ARYSTA LIFESCIENCE Việt Nam	4.095.092.751		4.412.605.931	
Các khách hàng khác	44.981.723.772	(225.675.260)	46.062.014.908	(184.047.935)
Cộng	67.924.354.003	(2.461.992.989)	64.513.567.054	(2.420.365.664)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn

5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	858.746.635	(858.746.635)	858.746.635	(858.746.635)
Trả trước các khách hàng khác				
TAIZHOU HUIYUAN MOULD CO.,LTD	822.097.035			
Công ty TNHH Hệ thống Thiết bị UMW Việt Nam	745.800.000		1.350.093.500	
Các đối tượng khác	6.978.664.243	(27.500.000)	4.639.021.502	(27.500.000)
Cộng	9.405.307.913	(886.246.635)	6.847.861.637	(886.246.635)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.5 Phải thu về cho vay

5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào <1>	610.000.000	(610.000.000)	610.000.000	(610.000.000)
Công ty CP Nhựa Đồng Nai			8.000.000.000	
Cộng	610.000.000	(610.000.000)	8.610.000.000	(610.000.000)

<1> Khoản cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào vay gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 36/2014/HĐVV ngày 02/10/2014 và phụ lục hợp đồng số 01/2014/PL-HDVV ngày 01/11/2014 với lãi suất vay 12%/năm trong 06 tháng kể từ ngày 02/10/2014. Tại thời điểm 31/12/2017, số dư khoản cho vay này là 260.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 01/2016/HĐVV ngày 01/05/2016 với lãi suất vay 8%/năm trong 06 tháng. Tại thời điểm 31/12/2017, số dư khoản cho vay này là 350.000.000 đồng.

Do Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào đã ngừng hoạt động từ cuối năm 2016 và không có khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả, Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Tân Phú đã thực hiện trích dự phòng 100% đối với các khoản cho vay và không thực hiện tính lãi đối với các hợp đồng này.

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền lãi cho vay	152.404.445	(152.404.445)	152.404.445	(152.404.445)
Công ty TNHH XNK Nhựa Việt Lào - Tiền tạm ứng vốn	1.637.500.000	(1.637.500.000)	1.637.500.000	(1.637.500.000)
Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Tiền lãi cho vay			376.555.556	
Công ty CP Nhựa Đồng Nai - Mượn nguyên liệu	305.081.732			
Phải thu các đối tượng khác				
Ký quỹ, ký cược	45.541.748	-	6.085.750.825	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	844.417.769	-	1.543.214.772	-
Phải thu khác	616.911.206	-	935.551.310	-
Cộng	3.601.856.900	(1.789.904.445)	10.730.976.908	(1.789.904.445)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	6.396.350.727		5.066.073.284	
Thuế GTGT của TSCĐ thuế tài chính	4.250.242.993		2.849.532.879	
Phải thu khác	445.497.890		480.497.890	
Cộng	11.092.091.610	-	8.396.104.053	-

5.7 Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nhựa Việt Lào	5.494.968.809	-	5.494.968.809	-
Phải thu tiền bán hàng	2.236.317.729		2.236.317.729	
Phải thu tiền cho vay vốn	610.000.000		610.000.000	
Phải thu tiền lãi vay	152.404.445		152.404.445	
Phải thu tạm ứng góp vốn	1.637.500.000		1.637.500.000	
Trả trước người bán	858.746.635		858.746.635	
Các đối tượng khác	253.175.260	-	243.078.935	31.531.000
Cộng	5.748.144.069	-	5.738.047.744	31.531.000

Trong năm 2017, Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi bổ sung với giá trị 107.769.400 đồng và xóa nợ khó đòi đã không còn khả năng thu hồi với giá trị là 66.142.075 đồng.

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	5.489.285.575	-	1.242.829.450	-
Nguyên liệu, vật liệu	62.141.379.640	(35.017.997)	54.184.653.536	(35.017.997)
Công cụ, dụng cụ	11.770.338.970	-	5.352.882.385	-
Thành phẩm	25.457.797.792	(32.760.803)	12.921.202.958	-
Hàng hoá	4.766.588.048	(38.407.652)	2.849.758.749	-
Cộng	109.625.390.025	(106.186.452)	76.551.327.078	(35.017.997)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	45.580.129.437	102.203.375.022	8.143.405.878	433.005.115	-	156.359.915.452
Mua trong kỳ	506.000.000	34.769.502.398	-	198.411.000	-	35.473.913.398
Đầu tư XDCB hoàn thành	38.674.498.650	84.957.953.528	-	-	-	123.632.452.178
Mua lại TSCĐ TTC		17.512.163.832				17.512.163.832
Thanh lý, nhượng bán	(519.829.504)	(10.157.645.444)	(158.314.190)	-	-	(10.835.789.138)
Bán tái thuê tài chính		(110.165.960.523)			-	(110.165.960.523)
Số dư tại 31/12/2017	84.240.798.583	119.119.388.813	7.985.091.688	631.416.115	-	211.976.695.199
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2017	28.552.313.778	83.113.584.164	7.462.862.944	355.896.253	-	119.484.657.139
Khấu hao trong năm	8.088.891.547	6.692.800.162	285.373.547	98.146.674	-	15.165.211.930
Mua lại TSCĐ TTC		16.495.696.598			-	16.495.696.598
Thanh lý, nhượng bán	(519.829.504)	(9.631.774.227)	(158.314.190)	-	-	(10.309.917.921)
Giảm khác						-
Số dư tại 31/12/2017	36.121.375.821	96.670.306.697	7.589.922.301	454.042.927	-	140.835.647.746
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2017	17.027.815.659	19.089.790.858	680.542.934	77.108.862	-	36.875.258.313
Số dư tại 31/12/2017	48.119.422.762	22.449.082.116	395.169.387	177.373.188	-	71.141.047.453

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng là 65.031.098.990 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 93.205.099.996 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017		92.811.327.651	5.266.194.909			98.077.522.560
Thuê tài chính trong năm		144.263.772.246	3.582.592.978			147.846.365.224
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(17.512.163.832)				(17.512.163.832)
Giảm khác <1>		(13.238.448.965)				(13.238.448.965)
Số dư tại 31/12/2017	-	206.324.487.100	8.848.787.887	-	-	215.173.274.987
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2017		35.527.422.434	639.412.032			36.166.834.466
Khấu hao trong năm		27.886.725.776	1.481.942.562			29.368.668.338
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(16.495.696.598)				(16.495.696.598)
Giảm khác <1>		(1.448.364.680)				(1.448.364.680)
Số dư tại 31/12/2017	-	45.470.086.932	2.121.354.594	-	-	47.591.441.526
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2017	-	57.283.905.217	4.626.782.877	-	-	61.910.688.094
Số dư tại 31/12/2017	-	160.854.400.168	6.727.433.293	-	-	167.581.833.461

<1> Công ty thực hiện tất toán hợp đồng thuê tài chính số SBL010201607023 với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Sài Gòn Thương Tín và các hợp đồng số 84.17.03, 84.17.05, 1 phần hợp đồng 84.17.09 với Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh TP.HCM. Các hợp đồng này được chuyển cho Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tiếp tục thuê trong thời gian còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2017	7.011.345.218	-	-	279.000.000	-	7.290.345.218
Số dư tại 31/12/2017	7.011.345.218	-	-	279.000.000	-	7.290.345.218
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2017	1.235.424.976	-	-	279.000.000	-	1.514.424.976
Khấu hao trong năm	146.534.976	-	-	-	-	146.534.976
Số dư tại 31/12/2017	1.381.959.952	-	-	279.000.000	-	1.660.959.952
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2017	5.775.920.242	-	-	-	-	5.775.920.242
Số dư tại 31/12/2017	5.629.385.266	-	-	-	-	5.629.385.266

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 5.629.385.266 đồng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 279.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2017	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	33.354.380.000	87.517.562.269	89.181.017.745	5.891.960.908	25.798.963.616
<i>Máy móc, thiết bị sản xuất nhựa nhập mua và thuê tài chính chưa nghiệm thu</i>	<i>33.354.380.000</i>	<i>87.517.562.269</i>	<i>89.181.017.745</i>	<i>5.891.960.908</i>	<i>25.798.963.616</i>
Xây dựng cơ bản	28.303.376.331	16.453.401.394	37.731.829.619	4.072.706	7.020.875.400
<i>Nhà xưởng tại Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>27.389.074.975</i>	<i>6.525.395.222</i>	<i>33.914.470.197</i>		<i>-</i>
<i>Xây dựng nhà xưởng Bắc Ninh GD 2</i>		<i>9.105.692.672</i>	<i>2.084.817.272</i>		<i>7.020.875.400</i>
<i>Sửa chữa tại Nhà máy Long An</i>	<i>910.228.650</i>	<i>822.313.500</i>	<i>1.732.542.150</i>		<i>-</i>
<i>Nhà kho Long An - giai đoạn 2</i>	<i>4.072.706</i>			<i>4.072.706</i>	<i>-</i>
					<i>-</i>
	61.657.756.331	103.970.963.663	126.912.847.364	5.896.033.614	32.819.839.016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.13 Chi phí trả trước

5.13.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.226.816.647	1.299.457.972
Chi phí sửa chữa tài sản	455.521.497	810.739.559
Các khoản khác	1.245.667.994	
Cộng	3.928.006.138	2.110.197.531

5.13.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.184.365.778	908.499.477
Chi phí sửa chữa tài sản	899.503.735	
Các khoản khác	658.146.994	10.000.000
Cộng	12.742.016.507	918.499.477

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn

5.14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan				
Công ty CP Nhựa Đồng Nai			1.819.984.452	1.819.984.452
Phải trả nhà cung cấp khác				
CHEVRON PHILLIPS	981.913.200	981.913.200	-	-
SINGAPORE CHEMICALS (PRIVATE) LI				
Công ty CP Nhựa Việt Nam	1.437.993.921	1.437.993.921	1.437.993.921	1.437.993.921
SMC COPORATION LIMITED	-	-	2.642.404.100	2.642.404.100
TOSHIBA MACHINE S. E.	4.518.438.000	4.518.438.000	-	-
Scg Plastics Co., Ltd	3.187.238.400	3.187.238.400	-	-
Các nhà cung cấp khác	11.832.634.618	11.832.634.618	9.748.766.401	9.748.766.401
Cộng	21.958.218.139	21.958.218.139	15.649.148.874	15.649.148.874

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

5.15.1 Phải nộp

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.316.525.714	10.902.363.997	11.127.965.280	1.090.924.431
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu		33.184.929.463	33.184.929.463	-
Thuế thu nhập cá nhân	39.944.496	1.326.994.340	1.276.520.972	90.417.864
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.098.883.067	1.098.883.067	-
Cộng	1.356.470.210	46.513.170.867	46.688.298.782	1.181.342.295

5.15.2 Phải thu

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế xuất, nhập khẩu	-	386.420.211	529.306.366	142.886.155
Thuế thu nhập doanh nghiệp	891.821.209	914.218.708	481.647.681	459.250.182
Thuế thu nhập cá nhân	5.636.776	63.562.569	65.690.754	7.764.961
Các loại thuế khác	54.561.896	24.739.303	6.000.000	35.822.593
Cộng	952.019.881	1.388.940.791	1.082.644.801	645.723.891

5.16 Chi phí phải trả

5.16.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	950.589.258	577.847.966
Chi phí thuê tài sản - máy nhựa	1.246.482.496	633.103.300
Chi phí hoa hồng môi giới	49.057.465	1.685.913.522
Cộng	2.246.129.219	2.896.864.788

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan				
Thù lao HĐQT & BKS	-	-	56.772.194	56.772.194
Phải trả các đối tượng khác				
Kinh phí công đoàn	1.500.788.032	1.500.788.032	1.153.132.693	1.153.132.693
Bảo hiểm xã hội	75.805.307	75.805.307	33.709.930	33.709.930
Bảo hiểm y tế	-	-	2.203.816	2.203.816
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	14.709.363	14.709.363
Cổ tức phải trả	98.053.700	98.053.700	350.778.300	350.778.300
Phải trả khác	37.691.863	37.691.863	21.996.276	21.996.276
Cộng	1.712.338.902	1.712.338.902	1.633.302.572	1.633.302.572

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Đặt cọc làm khuôn sản xuất	1.678.729.025	1.678.729.025	1.708.729.025	1.708.729.025
Cổ tức phải trả	-	-	15.140.500	15.140.500
Phải trả khác	50.000.000	50.000.000	136.932.210	136.932.210
Cộng	1.728.729.025	1.728.729.025	1.860.801.735	1.860.801.735

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1>Vay ngắn hạn	218.276.547.350	218.276.547.350	509.733.168.531	415.371.283.889	123.914.662.708	123.914.662.708
ANZ Bank	-	-	44.335.483.983	44.335.483.983	-	-
VietinBank - Chi nhánh 12	35.644.882.697	35.644.882.697	53.297.531.285	24.465.315.475	6.812.666.887	6.812.666.887
Ngân hàng BPCEIOM Chi nhánh Tp.HCM	31.954.577.417	31.954.577.417	71.636.265.373	55.571.958.373	15.890.270.417	15.890.270.417
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	100.729.166.667	100.729.166.667	220.312.087.811	214.700.791.804	95.117.870.660	95.117.870.660
Vietcombank - Chi nhánh Hà Thành	-	-	1.728.054.683	1.728.054.683	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VIB CN TPHCM	6.381.140.838	6.381.140.838	66.895.233.800	66.607.947.706	6.093.854.744	6.093.854.744
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng CN TPHCM	43.566.779.731	43.566.779.731	51.528.511.596	7.961.731.865	-	-
2> Vay dài hạn đến hạn trả	9.300.841.921	9.300.841.921	7.756.841.921	12.280.966.260	13.824.966.260	13.824.966.260
VietinBank - Chi nhánh 12	1.919.160.000	1.919.160.000	1.919.160.000	5.523.480.000	5.523.480.000	5.523.480.000
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	3.669.486.260	3.669.486.260	3.669.486.260	3.669.486.260	3.669.486.260	3.669.486.260
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	3.712.195.661	3.712.195.661	2.168.195.661	3.088.000.000	4.632.000.000	4.632.000.000
3> Nợ thuê tài chính đến hạn trả	38.304.397.782	38.304.397.782	46.725.940.394	27.030.480.688	18.608.938.076	18.608.938.076
Công ty TNHH MTV CTTC NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	19.907.452.496	19.907.452.496	24.151.013.452	10.504.097.982	6.260.537.026	6.260.537.026
Công ty TNHH MTV CTTC NH Sài Gòn Thương Tín Việt Nam - CN Hà Nội	127.200.000	127.200.000	127.200.000	-	-	-
Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	84.024.880	84.024.880	84.024.880	480.529.647	480.529.647	480.529.647
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	8.136.373.200	8.136.373.200	11.588.253.300	7.488.652.500	4.036.772.400	4.036.772.400
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế CHAILEASE	9.288.302.406	9.288.302.406	10.014.403.962	7.796.155.759	7.070.054.203	7.070.054.203
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế Việt Nam	761.044.800	761.044.800	761.044.800	761.044.800	761.044.800	761.044.800
Cộng	265.881.787.053	265.881.787.053	564.215.950.846	454.682.730.837	156.348.567.044	156.348.567.044

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương – chi nhánh 12 gồm:

Hợp đồng tín dụng số 78/2017-HĐCVHM/NHCT994-TANPHU ngày 01/10/2017 với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ và số dư LC đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 76/2016-HĐTDHM/NHCT944-TANPHU ngày 19 tháng 10 năm 2016. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức là từ 04/10/2017 đến 08/05/2018. Biện pháp đảm bảo tài sản theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/HĐTC ngày 06/08/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 30/HĐTC ngày 17/04/2015. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng

Khoản vay ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh gồm:

Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-000435-2017 ngày 20 tháng 12 năm 2017. Hạn mức tín dụng với mức dư nợ tối đa là 1.500.000 USD. Mục đích vay đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của bên vay, thời hạn cấp hạn mức tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được áp dụng bằng chi phí vốn của ngân hàng + 2,2%/năm, trong đó chi phí vốn sẽ được quyết định dựa trên lãi suất thị trường tại thời điểm rút vốn vay. Biện pháp đảm bảo là (i) Hàng tồn kho luân chuyển và khoản phải thu với giá trị tối thiểu tương đương 110% tổng các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, (ii) Chuyển giao quyền thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho thế chấp cho Ngân hàng với giá trị tối thiểu tương đương 750.000USD.

Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh:

Hợp đồng tín dụng số 01/CV-158/KHDN1/17NH ngày 25/07/2017 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi nhận trên Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất thả nổi, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VCB từng thời kỳ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho tới ngày 31 tháng 07 năm 2018. Biện pháp đảm bảo là 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai TUCSON, biển số 52A-324.83.

Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam:

Hợp đồng số 0025/HĐTD2-VIB880/17 ngày 14/02/2017. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa, nhập khẩu hạt nhựa các loại và các sản phẩm phụ trợ để sản xuất nhựa của bên vay. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay áp dụng là lãi suất thả nổi, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho luân chuyển chốt số dư tối thiểu 19 tỷ đồng tại mọi thời điểm và khoản phải thu của Công ty với giá trị tối thiểu 19 tỷ đồng tại mọi thời điểm.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN TP. Hồ Chí Minh:

Hợp đồng số 068/2017/HĐHM/CMB ký ngày 20/06/2017. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa là 06 tháng. Lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng được Bên ngân hàng thông báo cho công ty mỗi lần vay vốn được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ.

Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả

Các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính đến hạn trả được chi tiết tại thuyết minh vay và nợ tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

b) Vay dài hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay dài hạn	32.575.445.327	32.575.445.327	15.157.948.547	10.431.051.218	27.848.547.998	27.848.547.998
VietinBank - Chi nhánh 12	-	-		1.919.160.000	1.919.160.000	1.919.160.000
Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội	4.586.857.797	4.586.857.797		3.669.486.260	8.256.344.057	8.256.344.057
Vietcombank - Chi nhánh Tp. HCM	13.503.587.530	13.503.587.530	8.927.948.547	2.357.404.958	6.933.043.941	6.933.043.941
Vay cá nhân	14.485.000.000	14.485.000.000	6.230.000.000	2.485.000.000	10.740.000.000	10.740.000.000
2> Nợ thuê tài chính	85.542.304.528	85.542.304.528	223.791.460.088	192.648.922.352	54.399.766.792	54.399.766.792
Công ty TNHH MTV CTTC NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	49.592.149.618	49.592.149.618	157.789.302.421	117.775.273.175	9.578.120.372	9.578.120.372
Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp.HCM	-	-		84.024.880	84.024.880	84.024.880
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế CHAILEASE	9.784.472.310	9.784.472.310	12.993.013.667	13.589.167.997	10.380.626.640	10.380.626.640
Công ty TNHH CTTC Quốc Tế Việt Nam	547.559.215	547.559.215		761.044.800	1.308.604.015	1.308.604.015
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	25.247.123.385	25.247.123.385	52.373.144.000	60.174.411.500	33.048.390.885	33.048.390.885
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín CN Hà Nội	371.000.000	371.000.000	636.000.000	265.000.000		
Cộng	118.117.749.855	118.117.749.855	238.949.408.635	203.079.973.570	82.248.314.790	82.248.314.790

Tình hình thanh toán các khoản nợ thuê tài chính:

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	54.178.008.539	8.248.712.650	45.929.295.889	27.434.416.898	3.088.792.531	24.345.624.367
Cộng	54.178.008.539	8.248.712.650	45.929.295.889	27.434.416.898	3.088.792.531	24.345.624.367

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết các khoản vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh:

Hợp đồng tín dụng số 0024/ĐTDA/15CD ngày 7 tháng 7 năm 2015. Hạn mức cho vay tối đa là 14.477.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư thiết bị máy móc thiết bị và khuôn mẫu sản xuất bình PET 19 lít, chai PET 5 lít, nắp và quai chai 5 lít. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay. Số dư khoản vay tại 31/12/2017 là 8.477.043.941 VND trong đó khoản phải trả trong vòng 12 tháng tới là 3.088.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 01/TDH-0158/KHDN/17NH ký ngày 25/7/2017. Hạn mức cho vay tối đa là 73.766.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư TSCĐ theo kế hoạch của Công ty. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng bằng VND cộng biên độ được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc Dự án được quy định trong hợp đồng vay. Số dư khoản vay tại 31/12/2017 là 8.738.739.250 VND trong đó khoản phải trả trong vòng 12 tháng tới là 624.195.661 VND.

Khoản vay ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam:

Hợp đồng tín dụng số 130-000-256-280 ngày 16 tháng 1 năm 2015. Số tiền cho vay là 18.000.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí xây dựng, mua trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cho dự án Xây dựng Nhà máy Nhựa Tân Phú tại Bắc Ninh. Lãi suất cho vay là lãi tiền gửi 6 tháng cộng 3%/năm, áp dụng cho từng lần rút vốn vay và được điều chỉnh 06 tháng một lần kể từ ngày giải ngân. Thời hạn cho vay là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo: (i) Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Bên vay, (ii) Nhà xưởng hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng trên thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4 thuộc Cụm Công nghiệp Xuân Lâm, xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và (iii) Bảo lãnh cá nhân trị giá 18.000.000.000 VND của ông Ngô Đức Trung (Phó tổng giám đốc bên vay) dưới dạng Hợp đồng bảo lãnh. Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 8.256.344.057 VND trong đó khoản phải trả trong vòng 12 tháng tới là 3.669.486.260 VND.

Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh 12:

Hợp đồng tín dụng số 31/HĐTĐ ngày 20/04/2011. Số tiền cho vay là 37.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư xây dựng xưởng sản xuất tại xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An. Lãi suất áp dụng cho vay được quy định theo từng lần giải ngân và điều chỉnh 3 tháng/lần. Hình thức đảm bảo khoản vay bao gồm (i) Bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai – tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, và (ii) quyền sử dụng đất ở số T02330 ngày 16/6/2008 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cùng tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai tọa lạc tại xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà tỉnh Long An. Số dư khoản vay tại 31/12/2017 là 1.919.160.000 VND và phải trả toàn bộ trong vòng 12 tháng tới.

Các khoản vay cá nhân

Công ty vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo các hợp đồng vay dài hạn giữa các cá nhân với Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày công ty thu tiền của các cá nhân, khi đến kỳ đáo hạn nếu các cá nhân không rút tiền ra thì hợp đồng được gia hạn với thời hạn như trên. Lãi suất cho vay được tính theo mức lãi suất vay trung hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Lãi vay được trả theo tháng và căn cứ vào thông báo thay đổi lãi suất theo thời điểm của công ty. Số dư các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 14.485.000.000 VND.

Các hợp đồng thuê tài chính

Các hợp đồng thuê tài chính với các công ty cho thuê tài chính nhằm đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê từ 36 - 60 tháng, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng và được điều chỉnh 3 - 6 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.19 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.19.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2016	59.997.840.000	2.039.728.228	7.153.195.174	1.619.362.595	18.558.079.796	89.368.205.793
Chuyển lợi nhuận các chi nhánh về Công ty						-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	19.613.372.699	19.613.372.699
Tăng do điều chỉnh quyết toán thuế năm 2015	-	-	-	-	832.340.685	832.340.685
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	5.997.670.000	-	-	-	(5.997.670.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.203.976.380)	(2.203.976.380)
Trả cổ tức 2015 bằng tiền	-	-	-	-	(4.799.827.200)	(4.799.827.200)
Số dư tại 31/12/2016	65.995.510.000	2.039.728.228	7.153.195.174	1.619.362.595	26.002.319.600	102.810.115.597
Số dư tại 01/01/2017	65.995.510.000	2.039.728.228	7.153.195.174	1.619.362.595	26.002.319.600	102.810.115.597
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	2.663.547.301	2.663.547.301
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	551.350.493	551.350.493
Chia cổ tức	9.897.160.000	-	-	-	(9.897.160.000)	-
Chia cổ phiếu thưởng	24.086.220.000	(2.039.728.228)	(7.153.195.174)	(1.619.362.595)	(13.273.934.003)	-
Số dư tại 31/12/2017	99.978.890.000	-	-	-	6.046.123.391	106.025.013.391

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	72.631.650.000	72,65%	47.441.690.000	71,89%
Vốn góp của cổ đông khác	27.347.240.000	27,35%	18.553.820.000	28,11%
Cộng	99.978.890.000	100%	65.995.510.000	100%

5.19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	65.995.510.000	59.997.840.000
Vốn góp tăng trong năm	33.983.380.000	5.997.670.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	99.978.890.000	65.995.510.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.897.160.000	10.797.497.200
<i>Trong đó chia bằng cổ phiếu</i>	9.897.160.000	5.997.670.000

5.19.4 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.997.889	6.599.551
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.997.889	6.599.551
Cổ phiếu phổ thông	9.997.889	6.595.151
Cổ phiếu ưu đãi	-	4.400
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.997.889	6.599.551
Cổ phiếu phổ thông	9.997.889	6.595.151
Cổ phiếu ưu đãi	-	4.400
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.20 Tài khoản ngoài bảng

5.20.1 Tài sản thuê ngoài

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Từ 1 năm trở xuống	1.172.986.250	1.226.758.400
Trên 1 năm đến 5 năm	501.136.700	1.674.122.950
Trên 5 năm		

5.20.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
USD	188.046,03	146.988,64
EUR		
...		

5.20.3 Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị Năm xử lý	VND	Giá trị Năm xử lý	VND
Công ty Anco Food	2.017	66.142.075		
Cộng		66.142.075	-	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	549.689.705.381	500.021.921.515
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	47.025.606
Cộng	549.689.705.381	500.068.947.121

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Tân Phú - Sài Gòn		7.592.700.991
Công ty CP Nhựa Tân Phú Miền Trung		1.929.324.160
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	85.051.653.768	
Cộng	85.051.653.768	9.522.025.151

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	466.078.176	492.172.300
Giảm giá hàng bán	22.382.619	7.115.055
Hàng bán bị trả lại	707.288.578	1.320.473.620
Cộng	1.195.749.373	1.819.760.975

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	467.202.312.858	397.456.053.097
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	25.207.424
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	71.168.455	(24.310.799)
Cộng	467.273.481.313	397.456.949.722

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	220.034.536	630.319.565
Lãi chênh lệch tỷ giá	172.138.993	466.811.609
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	864.330.000
	392.173.529	1.961.461.174

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	23.258.879.394	13.698.000.002
Chiết khấu thanh toán	140.451.083	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	167.200.000	125.462.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá	241.206.088	186.072.223
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.105.477	
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	(231.800.000)	3.326.050.800
Chi phí tài chính khác	649.183	118.628
Cộng	23.579.691.225	17.335.704.586

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	8.817.997.405	4.663.212.893
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	205.837.106	190.598.534
Chi phí khấu hao TSCĐ	999.334.565	667.109.898
Chi phí bảo hành	-	(902.078.412)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.379.657.247	8.487.744.436
Chi phí bằng tiền khác	3.762.238.562	5.286.769.985
Cộng	22.165.064.885	18.393.357.334

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.004.867.193	18.982.067.571
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.105.608.819	940.076.216
Chi phí khấu hao TSCĐ	633.660.159	562.102.830
Thuế, phí và lệ phí	23.910.266	29.313.543
Chi phí dự phòng	107.769.400	5.541.807.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.722.193.032	5.360.476.914
Chi phí bằng tiền khác	10.054.688.865	14.004.337.255
Cộng	34.652.697.734	45.420.182.138

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.439.591.502	27.272.727
Các khoản khác	1.754.397.097	592.115.532
Cộng	3.193.988.599	619.388.259

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	-	72.191.381
Các khoản khác	831.416.970	45.844.000
Cộng	831.416.970	118.035.381

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.577.766.009	22.105.806.418
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	747.944.264	2.632.639.446
Các khoản điều chỉnh tăng	747.944.264	3.208.889.446
Các khoản chi phí không được trừ	822.244.419	3.145.740.611
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(74.300.155)	63.148.835
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(576.250.000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(576.250.000)
Thu nhập tính thuế TNDN	4.325.710.273	24.738.445.864
Trong đó,		
Thu nhập được ưu đãi thuế (giảm 50%)	4.325.710.273	24.552.554.540
Thuế suất thuế TNDN không ưu đãi	20%	20%
Thuế TNDN	865.142.055	4.947.689.173
Thuế TNDN được miễn, giảm	432.571.028	2.455.255.454
Thuế TNDN được ưu đãi giảm 50% do đầu tư mở rộng tại Long An	432.571.028	2.455.255.454
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	432.571.027	2.492.433.719
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	481.647.681	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	914.218.708	2.492.433.719

Năm 2017 là năm cuối cùng chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tại Long An được giảm 50% số thuế phải nộp theo Công văn số 2579/CT_TTHT ngày 21/12/2015 của Cục thuế tỉnh Long An về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp.

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.663.547.301	19.613.372.699
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.663.547.301	19.613.372.699
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.997.889	9.997.889
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	266	1.962

Trong năm 2017, Công ty có trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, các quỹ của Công ty với tổng số cổ phiếu là 3.398.338 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu này được điều chỉnh hồi tố cho năm 2016 theo đúng quy định để phù hợp so sánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.663.547.301	19.613.372.699
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.663.547.301	19.613.372.699
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.997.889	9.997.889
Cổ phiếu phổ thông phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu		
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	266	1.962

Trong năm 2017, Công ty có trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, các quỹ của Công ty với tổng số cổ phiếu là 3.398.338 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu này được điều chỉnh hồi tố cho năm 2016 theo đúng quy định để phù hợp so sánh.

6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	83.503.768.149	66.809.787.291
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	272.619.065.411	252.547.232.915
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.680.415.244	31.439.931.944
Thuế, phí, lệ phí	23.910.266	29.313.543
Chi phí dự phòng	107.769.400	4.639.729.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.253.701.532	43.418.277.404
Chi phí khác bằng tiền	15.089.334.576	20.751.496.330
Cộng	462.277.964.578	419.635.768.824

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	147.982.038.199	42.890.623.130

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.2 Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán ký quỹ cho các hợp đồng thuê tài chính tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	533.450.000	2.802.758.550
Trong đó:		
USD	23.500	117.536

7.3 Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	524.891.117.078	217.864.138.932

7.4 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	430.326.459.446	179.864.001.392

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD)

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Cho vay

Công ty có cho đơn vị liên kết vay tiền. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đầy đủ đối với khoản cho vay không có khả năng thu hồi.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	265.881.787.053	118.117.749.855		383.999.536.908
Phải trả người bán	21.958.218.139			21.958.218.139
Chi phí phải trả	2.246.129.219			2.246.129.219
Phải trả khác	1.712.338.902	1.728.729.025	-	3.441.067.927
Cộng	291.798.473.313	119.846.478.880	-	411.644.952.193
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	156.348.567.044	82.248.314.790		238.596.881.834
Phải trả người bán	15.649.148.874			15.649.148.874
Chi phí phải trả	2.896.864.788			2.896.864.788
Phải trả khác	1.633.302.572	1.860.801.735	-	3.494.104.307
Cộng	176.527.883.278	84.109.116.525	-	260.636.999.803

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2017		01/01/2017		31/12/2017	01/01/2017
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.266.392.534		13.174.128.340		11.266.392.534	13.174.128.340
Phải thu khách hàng	67.924.354.003	(2.461.992.989)	64.513.567.054	(2.420.365.664)	65.462.361.014	62.093.201.390
Phải thu về cho vay	610.000.000	-	8.610.000.000	-	610.000.000	8.610.000.000
Phải thu khác	14.693.948.510	(1.789.904.445)	19.127.080.961	(1.789.904.445)	12.904.044.065	17.337.176.516
Đầu tư tài chính	6.200.072.890	(6.200.072.890)	6.599.072.890	(6.431.872.890)	-	167.200.000
	100.694.767.937	(10.451.970.324)	112.023.849.245	(10.642.142.999)	90.242.797.613	101.381.706.246
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	383.999.536.908		238.596.881.834		383.999.536.908	238.596.881.834
Phải trả người bán	21.958.218.139		15.649.148.874		21.958.218.139	15.649.148.874
Chi phí phải trả	2.246.129.219		2.896.864.788		2.246.129.219	2.896.864.788
Phải trả khác	3.441.067.927		3.494.104.307		3.441.067.927	3.494.104.307
	411.644.952.193	-	260.636.999.803	-	411.644.952.193	260.636.999.803

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(2) *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Việc ước tính giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác cũng như các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Ngoài các khoản mục nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2017 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Thông tin về các khoản cam kết, bảo lãnh, hợp đồng thuê tài sản hoạt động

9.1.1 Tài sản thuê hoạt động

- Hợp đồng thuê máy ép phun số 599/HĐ-NVN-TCKT ngày 18/06/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 02 ngày 25/12/2014 về việc điều chỉnh hợp đồng cho thuê thiết bị khuôn mẫu số 599/HĐ-NVN-TCKT. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2018.

- Hợp đồng thuê máy móc, khuôn mẫu số 723/HĐ-NVN-TCKT ngày 24/07/2007 giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Tân Phú và phụ lục số 03 ngày 16/09/2012, phụ lục số 04 ngày 25/12/2014. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 14 năm kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 10/08/2020.

9.1.2 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản cam kết hoặc bảo lãnh cho một bên khác.

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Số tiền VND
Tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành	1.618.297.014
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và các khoản thưởng khác	

9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Công ty mẹ	Thu nợ gốc cho vay ngắn hạn	8.000.000.000
		Tiền lãi cho vay	136.333.333
		Trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu	24.689.960.000
		Doanh thu bán vật liệu, hàng hóa	85.051.653.768
		Thu nhập khác do chuyển hợp đồng thuê tài chính	3.997.914.058

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5

9.3 Thông tin về bộ phận

Trong năm tài chính 2017, Công ty chủ yếu chỉ hoạt động mua bán nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa. Các hoạt động khác là không đáng kể (dưới 10% tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế) nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất mà chỉ lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

9.3.1 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Năm nay			Năm trước		
	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng	Miền Nam	Miền Bắc	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	461.741.573.771	86.752.382.237	548.493.956.008	365.223.500.391	133.025.685.755	498.249.186.146
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-			-
3. Khấu hao	41.141.273.913	3.539.141.331	44.680.415.244	22.242.152.260	9.197.779.684	31.439.931.944
4. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.003.953.352	9.216.521.343	81.220.474.695	88.743.154.444	12.049.081.980	100.792.236.424
5. Tài sản bộ phận	412.757.980.114	112.297.042.067	525.055.022.181	328.202.335.551	48.656.242.511	376.858.578.062
6. Tài sản không phân bổ						
Tổng tài sản	412.757.980.114	112.297.042.067	525.055.022.181	328.202.335.551	48.656.242.511	376.858.578.062
7. Nợ phải trả bộ phận	416.522.370.275	2.507.638.515	419.030.008.790	272.351.355.826	1.697.106.639	274.048.462.465
8. Nợ phải trả không phân bổ						
Tổng nợ phải trả	416.522.370.275	2.507.638.515	419.030.008.790	272.351.355.826	1.697.106.639	274.048.462.465

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Địa chỉ: Số 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

9.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

9.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2017, nợ ngắn hạn lớn hơn so với tài sản ngắn hạn của Công ty là 75.634.721.042 đồng.

Ngày 26 tháng 2 năm 2018, Công ty đã ký hợp đồng nhận hỗ trợ vốn số 001/HTV/NTP với giá trị là 80.000.000.000 đồng trong thời gian 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng để bổ sung vốn lưu động hoạt động kinh doanh. Đến ngày 26 tháng 03 năm 2018, Công ty đã nhận được đầy đủ khoản hỗ trợ vốn này. Theo đó, tình trạng thiếu hụt vốn lưu động đã được khắc phục.

Ban Tổng Giám đốc cũng đã xây dựng kế hoạch tăng trưởng doanh thu trong năm 2018. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ thực hiện các giải pháp duy trì thị phần các mặt hàng truyền thống đồng thời phát triển thêm một số khách hàng mới nhằm mở rộng thị phần, nâng cao doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Song song với việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, Công ty đã có kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn chủ sở hữu trong năm 2018 để chủ động bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài vấn đề nêu trên, không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện ký kết hợp đồng hỗ trợ vốn lưu động có thời hạn 02 năm đã trình bày tại phần 9.5, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Lê Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Thoại
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Diệu
Người lập biểu